

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17 /2025/HS-ST
Ngày: 13 - 03 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Quách Thị Tình

2. Ông Đặng Văn Thuận

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tuấn Anh -Kiểm sát viên.

Ngày 13/03/2024, tại trụ sở TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2025/TLST-HS, ngày 15/01/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HS, ngày 04/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/HSST – QĐ ngày 18/02/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị H; sinh ngày: 08/08/1992, tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Số căn cước công dân: 038192012879; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Q, con bà: Quách Thị K; Có chồng là Quách Văn T (Đã ly hôn) và 03 con; con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2020;; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/6/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H:* Ông Đường Xuân A – trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh T – chi nhánh S1 tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- *Người bị hại:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1964; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của người bị hại:* Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm:

1990; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Đỗ Thị Y, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Đỗ Xuân L, sinh năm: 1963; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 10/7/2024, Nguyễn Thị H, sinh năm 1992, trú tại thôn M, xã T, huyện T đi làm cỏ mía tại Khu phố A, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, H điều khiển xe mô tô từ nơi làm việc về nhà tại thôn M, xã T. H điều khiển xe mô tô BKS: 36E1-060.17 màu đen từ D đi về hướng ngã tư Phố C. Lúc này H vẫn điều khiển xe đi ở phần đường bên phải theo chiều đi của mình và sát lề đường bên phải. Khi đi đến đoạn đường thuộc Khu phố A, thị trấn V, T do trời tối, ánh sáng đèn xe mô tô không đủ sáng và không chú ý quan sát người đang đứng bên đường nên đã đâm va vào người ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964, trú tại khu phố A, thị trấn V, huyện T. Hậu quả, ông C bị thương và được người nhà đưa đi cấp cứu tại cơ sở Y1; H bị xây sát nhẹ, xe mô tô BKS: 36E1-060.17 bị hư hỏng. Sau khi vụ tai nạn giao thông xảy ra, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện, thu giữ dấu vết, phương tiện liên quan, kiểm tra nồng độ cồn, ma túy đối với Nguyễn Thị H, rà soát camera, người làm chứng, trưng cầu giám định dấu vết cơ học, dấu vết sinh học có liên quan trong vụ án.

*** Khám nghiệm hiện trường, phương tiện:**

Sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông ngày 10/7/2024 trên QL45 đoạn thuộc khu phố A, thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Hiện trường xảy ra vụ việc tai nạn giao thông là đoạn đường thẳng, mặt đường rải nhựa phẳng dốc xuống 02 độ theo hướng xã P, huyện N đi thị trấn K, huyện T, có độ rộng lòng đường là 682 cm, lề đường bên trái và lề bên phải rải nhựa (theo hướng xã P, huyện N đi thị trấn K, huyện T) đều có độ rộng 50cm. Từ hai phía đến hiện trường không có biển báo hiệu giao thông đường bộ, không có chướng ngại vật che khuất tầm nhìn. Bên phải hiện trường theo hướng xã P, huyện N đi thị trấn K, huyện T có một mương thoát nước sâu 50 cm, độ rộng miệng là 120cm, độ rộng đáy là 42cm. Chọn hướng từ xã P, huyện N đi thị trấn K, huyện T làm hướng chuẩn, chọn mép đường bên phải theo hướng chuẩn là mép chuẩn, ký hiệu (A). Chọn cột mốc số QL45/km12 nằm phía trước bên phải hiện trường làm mốc cố định, ký hiệu (B).

Tiến hành đặt số thứ tự, ghi nhận các vị trí, dấu vết hiện trường như sau:

- Vị trí số 1: Hệ thống vết cà trượt không liên tục có kích thước (2081 x72)cm, vết

có chiều cùng chiều với hướng chuẩn, hơi chệch từ trái sang phải, điểm đầu vết cách (A) là 132 cm, cách (B) là 4142cm; điểm cuối vết trùng với vị trí tiếp xúc giữa đầu giá đỡ chân trước bên trái với mặt đường và cách (A) 92cm.

- Vị trí số 2: Xe mô tô BKS: 36E1-060.17 nằm đổ nghiêng bên trái trên mặt đường, đầu xe quay cùng chiều với hướng chuẩn, tâm bánh trước cách (A) 128cm, cách đầu vết số (1) là 2135cm, tâm bánh sau cách (A) 36cm, cách đầu vết số (1) là 2032cm; đầu giá đỡ chân trước bên trái cách (A) 92cm, cách đầu vết số (1) là 2081cm.

- Vị trí số 3: Vết máu không rõ hình đã khô kích thước (42 x 50)cm, điểm gần nhất của vết cách tâm bánh sau xe số (2) là 1440cm, cách (A) 66cm; điểm xa nhất của vết cách (A) 114cm.

- Vị trí số 04: Vùng mảnh vỡ trên hiện trường kích thước (1385 x 268)cm gồm các mảnh nhựa màu xanh, trắng nằm rải rác trên mặt đường

Kết quả khám nghiệm phương tiện là xe mô tô 36 E1-060.17:

- Mặt và má trái lớp trước tương ứng cuối hàng chữ 33L, mặt và má phải lớp trước tương ứng cách đầu hàng chữ 2.25-17 là 15cm theo ngược chiều chuyển động tiền có vết tỳ trượt, làm sạch bụi đất kích thước lần lượt (11 x 5)cm, (13 x 4)cm, vết có chiều từ ngoài vào tâm, bề mặt vết bám dính lớp màng sẫm màu nghi tổ chức tế bào cơ thể người.

- Mặt trước ngoài đầu xe có vết tỳ trượt, làm sạch bụi đất nứt vỡ nhựa trong diện (75 x 26)cm, vết có chiều từ trước về sau, từ dưới lên trên, bề mặt in vết in các đường song song dạng vân vải, lớp màng sẫm màu nghi tổ chức cơ thể người, vết cao cách mặt đất 22cm- 96cm, vết làm nứt vỡ ốp nhựa đầu xe, cách yếm bên phải bám dính chất màu nâu đỏ nghi là máu. Tại vị trí bên trái trực trước bám dính sợi màu đen dạng lông tóc và cụm phan.

- Bên trái xe có vết cào trượt làm mòn xước nhựa, kim loại, vết có chiều từ trước về sau, bề mặt vết bám dính chất màu trắng dạng bột đá.

- Hệ thống đèn bị vỡ, hệ thống phanh hoạt động bình thường.

Cơ quan cảnh sát điều tra phối hợp với Phòng K1 Công an tỉnh T thu giữ mẫu lông, tóc; tế bào nâu nghi tổ chức cơ thể người và chất màu nâu đỏ nghi là máu tại vị trí mặt yếm xe bên phải xe mô tô BKS: 36E1-060.17.

Rà soát camera và người làm chứng:

Qua rà soát, kiểm tra tại hiện trường vụ tai nạn giao thông và khu vực dân sinh xung quanh, không phát hiện camera nào ghi nhận, lưu trữ lại hình ảnh, video có liên quan đến vụ tai nạn giao thông.

Về nhân chứng vụ án: Ông Đỗ Xuân L, sinh năm 1963, trú tại thị trấn V, huyện T (hàng xóm của ông Nguyễn Văn C) là người có mặt trước tiên sau khi vụ tai nạn giao thông xảy ra.

Kết quả giám định cơ chế hình thành dấu vết cơ học:

Tại Kết luận giám định số 2843/KL-KTHS ngày 01/8/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận:

- Dấu vết tỳ trượt tại mặt trước và má trái lớp trước tương ứng cuối hàng chữ “33L”, mặt và má phải lớp trước tương ứng cách đầu hàng chữ “2,25-17” là 15 cm (theo ngược chiều chuyển động tiến), mặt trước ngoài đầu xe mô tô BKS: 36E1-060.17 phù hợp do va chạm với quần áo và người ông Nguyễn Văn C tạo nên.

- Tại thời điểm va chạm xe mô tô BKS: 36E1-060.17 hướng đi từ xã P, huyện N đi thị trấn K, huyện T; không đủ cơ sở xác định chiều hướng di chuyển của Nguyễn Văn C.

- Vị trí va chạm nằm trước đầu vết cà trượt (1), được thể hiện trong biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường thuộc phần đường bên phải theo chiều từ xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình đi thị trấn K, huyện T.

- Không đủ cơ sở xác định tốc độ của xe mô tô BKS: 36E1-060.17 và ông Nguyễn Văn C.

Kết quả giám định dấu vết sinh học:

Tại Kết luận giám định số 2920/KL-KTHS ngày 09/8/2024 của phòng K1, Công an tỉnh T đối với mẫu lông, tóc; tế bào nâu nghi tổ chức cơ thể người và chất màu nâu đỏ nghi là máu tại vị trí mặt yếm xe bên phải xe mô tô BKS: 36E1-060.17 kết luận:

- Các sợi nghi lông, tóc người và chất màu nâu nghi máu, tế bào người gửi giám định đều là lông, tóc và máu, tế bào của một người nam giới.

- Lưu kiểu gen của người nam giới tại Phòng KTHS Công an tỉnh T.

Sau khi khám nghiệm hiện trường, các cơ quan chức năng đã phối hợp khám nghiệm phương tiện và trưng cầu giám định để xác định vị trí va chạm, điểm va chạm, chiều hướng chuyển động, tốc độ hai phương tiện tại thời điểm xảy ra va chạm. Tại Kết luận giám định số 3254/KL-KTHS ngày 06/9/2024 của Phòng K1, Công an tỉnh T đối với mẫu máu ghi thu của ông Nguyễn Văn C và mẫu AND của người nam giới lưu tại Phòng K1 theo kết luận số 2920/KL-KTHS ngày 09/8/2024, kết luận:

- Kiểu gen của người nam giới lưu tại phòng K1 theo kết luận số 2920 ngày 09/8/2024 trùng khớp với kiểu gen của Nguyễn Văn C.

- Lưu kiểu gen của Nguyễn Văn C tại phòng K1, Công an T.

Kết quả kiểm tra nồng độ cồn, ma túy:

Kết quả kiểm tra, Nguyễn Thị H không có cồn trong khí thở và không sử dụng các chất ma túy.

Kết quả giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể:

- Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 662/KLTTCT-PYTH ngày 13/9/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh T đối với ông Nguyễn Văn C kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn C tại thời điểm giám định là 65%

(sáu mươi lăm phần trăm).

Kết quả rà soát, xác minh giấy phép lái xe của Nguyễn Thị H:

Cơ quan cảnh sát điều tra đã yêu cầu T3, Sở G xác minh giấy phép lái xe của Nguyễn Thị H. Kết quả xác minh tại thời điểm xảy ra vụ tai nạn giao thông xác định: Nguyễn Thị H không có giấy phép lái xe theo quy định.

*** Bồi thường thiệt hại**

Khi xảy ra vụ việc, anh Nguyễn Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 99.441.000 đồng (chín mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn đồng) là số tiền anh T1 đã bỏ ra để điều trị cho ông C. H đã có ý thức đến thăm hỏi, bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bị hại số tiền 3.000.000 đồng và ở lại cơ sở y tế 01 tuần hỗ trợ chăm sóc cho ông C để khắc phục một phần hậu quả do hành vi của mình gây ra. Đến nay, giữa bị cáo và bị hại đã thỏa thuận xong về bồi thường dân sự và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Anh T1 có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bà Đỗ Thị Y là vợ của ông C yêu cầu H bồi thường số tiền viện phí, thuốc men và một số khoản tiền khác mà bà Y đã bỏ ra trong quá trình đưa ông C đi cấp cứu, điều trị tại các cơ sở y tế, bao gồm:

- Các khoản theo hóa đơn bán hàng, hóa đơn bán lẻ;
- Tiền công chăm sóc: bà Y chăm sóc ông C 03 tháng bằng 90 ngày; mỗi ngày tiền công chăm sóc là 200.000 đồng/ngày, tổng: 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng);
- Tiền mất thu nhập cá nhân: Trước khi xảy ra tai nạn giao thông bà Y có thu nhập 300.000 đồng/ngày. Bà Y chăm sóc ông C 03 tháng bằng 90 ngày. Tổng tiền mất thu nhập là: 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng).

Tổng số tiền bà Y yêu cầu bị cáo bồi thường là 64.446.305 đồng (sáu mươi tư triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm linh năm đồng).

Ngoài số tiền nêu trên, bà Y yêu cầu bị cáo H phải có trách nhiệm trong việc nuôi con trai bà và ông C là cháu Nguyễn Quang H1, sinh năm 2017 đến khi cháu đủ 18 tuổi

*** Định giá tài sản bị thiệt hại, xử lý đồ vật, tài liệu, phương tiện, vật chứng liên quan**

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 01/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Phần thiệt hại của xe mô tô BKS: 36E1-060.17 đối với các phụ tùng, linh kiện bị hư hỏng là: 1.210.000 đồng (một triệu hai trăm mười nghìn đồng).

Kết quả xác minh nguồn gốc tài sản:

Quá trình xác minh xác định xe mô tô BKS 36E1-060.17 là của ông Hoàng Văn S trú tại thị trấn K, huyện T. Tháng 4/2024 H mua lại với giá 3.000.000 đồng, tại thời điểm

xảy ra vụ tai nạn giao thông, H không làm thủ tục đăng ký sang tên xe và không có Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực khi mua tài sản là xe mô tô. Tuy nhiên đây chỉ là hành vi vi phạm hành chính, Công an huyện T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định).

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKSTT, ngày 14/01/2025, Viện Kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện T, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Nguyễn Thị H về về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa Đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thị H 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thị H đã thỏa thuận bồi thường cho gia đình người bị hại xong. Người đại diện theo ủy quyền của bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, đại diện VKSND đề nghị không xem xét.

Đối với yêu cầu bồi thường của bà Đỗ Thị Y, VKSND đề nghị không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Y đối với bị cáo Nguyễn Thị H vì ông C là người bị hại đã ủy quyền hợp pháp cho anh T1 tham gia tố tụng, anh T1 và bị cáo đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại xong không yêu cầu bồi thường gì thêm. Nếu bà Y tiếp tục yêu cầu bồi thường đề nghị dành quyền khởi kiện cho bà Y bằng một vụ án dân sự khác khởi kiện ông C đối với chi phí bà Y bỏ ra điều trị cho ông C và tiền công chăm sóc, mất thu nhập của bà Y. Đối với yêu cầu bị cáo cấp dưỡng cho con chung của ông C và bà Y. Do ông C là người bị hại, bị tổn thương 65 % sức khỏe không thuộc trường hợp được cấp dưỡng đối với con của người bị hại theo quy định của pháp luật nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu này của bà Y.

**Phần tranh tụng tại phiên tòa:*

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H: : Người bào chữa đồng ý với tội danh, điều luật áp dụng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị H. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và bị cáo rất hối hận về hành vi của mình. Sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường cho người bị hại và chăm sóc người bị hại trong thời gian nằm viện, đã được người đại diện theo ủy quyền của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo chỉ học hết lớp 7, là người dân tộc thiểu số, là thành viên thuộc gia đình hộ nghèo, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn hiện

nay bị cáo đã ly hôn đang phải trực tiếp nuôi con trong số các con có 01 con bị khuyết tật đang được hưởng chế độ bảo trợ xã hội. Hiện nay bị cáo là lao động chính. Bị cáo phạm tội do lỗi vô ý, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn. Do đó đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình phạt cho bị cáo, xét xử bị cáo mức án thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước.

Về án phí: Bị cáo là thành viên của gia đình thuộc diện hộ nghèo. Đồng thời, bị cáo có đơn đề nghị được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm. Vì vậy, đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người bị hại: Quá trình giải quyết vụ án giữa bị cáo và người bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong. Sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại và chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị. Đến nay tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên ý kiến như người bị hại đã trình bày người đại diện theo ủy quyền của người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự: Do bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, sự việc xảy ra là điều cả hai bên không mong muốn, nên người đại diện theo ủy quyền của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bị cáo H là người trực tiếp gây tai nạn cho chồng bà là ông C. Sau khi ông C điều trị thương tích về nhà thì con riêng của ông C là anh T1 không cho bà và con bà đến nhà chăm sóc ông C nữa. Đến nay ông C ủy quyền cho anh T1 là con riêng bà cũng không rõ đó có phải là ý chí tự nguyện của ông C không. Khi ông C bị tai nạn đi điều trị bà đã phải bỏ tiền riêng của mình và công sức ra để chi trả và chăm sóc cho ông C. Do đó bà yêu cầu bị cáo H phải bồi thường cho bà Tổng số tiền là 64.446.305 đồng (sáu mươi tư triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm linh năm đồng). Ngoài ra do con chung của bà và ông C sinh năm 2017 đang còn nhỏ, ông C bị thương tích 65 % không nuôi con cùng bà được nên bà yêu cầu bị cáo H phải cấp dưỡng nuôi con cùng bà đến khi đủ 18 tuổi.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo ở nhà chăm sóc cho con bị khuyết tật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị H thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người đại diện hợp pháp của người bị hại, người làm chứng, hiện trường nơi xảy ra tai nạn, kết luận giám định pháp y. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 10/7/2024, trên tuyến Quốc lộ D, đoạn thuộc khu phố A, thị trấn V, huyện T, Nguyễn Thị H điều khiển xe mô tô BKS: 36E1-060.17 lưu thông trên QL45 đoạn thuộc khu phố A, thị trấn V, T theo hướng xã P, huyện N đi thị trấn K, huyện T, không có giấy phép lái xe theo quy định, không chú ý quan sát và không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn (trong trường hợp tầm nhìn bị hạn chế) đã đâm va vào ông Nguyễn Văn C đang đứng trên đường làm ông C bị thương. Hành vi của bị cáo vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ, quy định tại khoản 9, khoản 23 Điều 8, khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ; khoản 2 Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ G1 quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ; điểm b khoản 7 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. Hậu quả làm ông C bị thương với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 65%. Do đó hành vi của Nguyễn Thị H cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến trật tự, an toàn trong hoạt động giao thông đường bộ, đồng thời xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần xét xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của người dân khi tham gia giao thông.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Có 02 tình tiết giảm nhẹ là Tự nguyện bồi thường thiệt hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải. Đây là 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, người đại diện theo ủy quyền của bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đây có thể

coi là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặc dù bị cáo phạm tội nghiêm trọng nhưng là lỗi vô ý, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, mặt khác bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn gia đình là hộ nghèo, hiện tại đã ly hôn chồng đang phải trực tiếp nuôi 01 con bị khuyết tật được hưởng bảo trợ xã hội. Do đó không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần cho hưởng án treo cũng đủ sức răn đe đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thị H đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại số tiền 3.000.000 đồng và ở lại cơ sở y tế 01 tuần hỗ trợ chăm sóc cho ông C để khắc phục một phần hậu quả do hành vi của mình gây ra. Đại diện theo ủy quyền của người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị Y đối với bị cáo Nguyễn Thị H: Quá trình điều tra và tại phiên tòa ông C là người bị hại đã ủy quyền hợp pháp cho anh T1 tham gia tố tụng, anh T1 và bị cáo đã thỏa thuận xong bồi thường thiệt hại xong, không yêu cầu bồi thường gì thêm. Do đó dành quyền khởi kiện cho bà Y bằng một vụ án dân sự khác khởi kiện ông C đối với chi phí bà Y bỏ ra điều trị cho ông C và tiền công chăm sóc, mất thu nhập của bà Y.

Đối với yêu cầu bị cáo cấp dưỡng cho con chung của ông C và bà Y. Do ông C là người bị hại, bị tổn thương 65 % sức khỏe không thuộc trường hợp được cấp dưỡng đối với con của người bị hại theo quy định của pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu này của bà Y.

[6]. Về vật chứng: Quá trình điều tra đã tạm giữ xe mô tô BKS: 36E1-060.17 và giấy tờ xe, sau khi Cơ quan điều tra làm rõ nguồn gốc xe, xác định phương tiện không phải thuộc tang vật của vụ án nào khác. Xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại phương tiện trên và giấy tờ có liên quan cho chủ sở hữu là Nguyễn Thị H là đúng quy định của pháp luật.

[7]. Về án phí: Bị cáo thành viên của gia đình thuộc diện hộ nghèo. Đồng thời, bị cáo có đề nghị được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm. Vì vậy căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo là đúng quy định.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H 36 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 585 và Điều 590 Bộ luật Dân sự; Không chấp nhận yêu cầu về bồi thường thiệt hại và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị Y đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

Về án phí: Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn thị H.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, Người bào chữa, Người đại diện theo ủy quyền của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Bị cáo, Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THAHS công an tỉnh Thanh Hóa
- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Người bị hại; Người đại diện theo ủy quyền của người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Hải

